

QUYỀN TỰ QUYẾT DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY

Hoàng Trần Như Ngọc

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nhungoc.husc@gmail.com

Ngày nhận bài: 6/5/2024; ngày hoàn thành phản biện: 9/5/2024; ngày duyệt đăng: 24/6/2024

TÓM TẮT

Quyền tự quyết dân tộc là một trong những nội dung cơ bản và nhất quán của tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh; đồng thời là một trong những đóng góp quan trọng của Người đối với luật pháp quốc tế. Quyền tự quyết dân tộc trước hết thể hiện ở quyền làm chủ vận mệnh của nước mình; quyền quyết định lựa chọn chế độ chính trị xã hội và con đường phát triển của dân tộc. Tư tưởng này của Người không chỉ có ý nghĩa quyết định trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của Việt Nam mà còn cả trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày nay tư tưởng đó vẫn còn nguyên giá trị, ảnh hưởng sâu sắc đến đường lối độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong tình hình hiện nay.

Từ khóa: Quyền tự quyết dân tộc, độc lập, tự chủ, hội nhập quốc tế.

1. MỞ ĐẦU

Cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn hiến dâng vì nhân dân, vì dân tộc, vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Dưới sự lãnh đạo tài tình và sáng suốt của Người, Việt Nam đã tạo nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - mốc son chói lọi, mở ra một thời kỳ phát triển mới của đất nước. Lần đầu tiên trong lịch sử, người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành công dân của một nước tự do, độc lập, tự quyết vận mệnh của mình, tự xây dựng chế độ cộng hòa dân chủ. Bảo vệ quyền dân tộc là nhiệm vụ sống còn, là một trong những yếu tố không thể thiếu khi hoạch định chính sách, pháp luật và quan hệ đối ngoại của mỗi quốc gia. Hơn bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, dân tộc Việt Nam trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, hiểu rõ giá trị thiêng liêng đích thực của quyền dân tộc. Nếu như con người khi sinh ra đều có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc, thì mỗi dân tộc cũng đều có quyền bình đẳng, quyền tự do,

quyền tự quyết dân tộc. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 và 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 - 1975), đã chứng minh tinh thần độc lập, tự chủ, tính khoa học, tính cách mạng và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền tự quyết dân tộc.

2. NỘI DUNG

2.1. Những nội dung cơ bản về quyền tự quyết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Thứ nhất, khẳng định quyền làm chủ vận mệnh đất nước

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền tự quyết dân tộc được hình thành và gắn chặt với quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, với cách mạng dân tộc Việt Nam, mang một nội dung toàn diện, sâu sắc và triệt để. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải được xây dựng trên một nền độc lập thật sự, hoàn toàn, gắn với hòa bình. Đồng thời, độc lập dân tộc gắn liền với quyền tự quyết, quyền lựa chọn con đường phát triển cho dân tộc mình. Quyền tự quyết dân tộc trước hết được thực thi trên nền tảng độc lập thống nhất có chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, độc lập bền vững trong quan hệ bình đẳng với mọi quốc gia dân tộc trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Kẻ thù của dân tộc thường dùng thủ đoạn gieo rắc ảo tưởng về “độc lập, tự do” nhưng kỳ thực đó chỉ là “cái bánh vẽ”, chỉ là “độc lập hình thức”, “độc lập giả hiệu”, mọi quyền hành chính trị, kinh tế, đối ngoại v.v. đều nằm trong tay bọn thực dân, do chúng toàn quyền chi phối. Những gì mà giai cấp tư sản đã làm đối với các dân tộc phụ thuộc và thuộc địa chỉ dừng lại ở lời nói, không hề có thực. Vì vậy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải đấu tranh giành cho được độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn, thực thi quyền dân tộc tự quyết. Người không chỉ cụ thể hóa tư tưởng về độc lập chủ quyền về mặt pháp lý, mà quan trọng hơn là phải đạt được trên thực tế. “Thống nhất mà bị chia xẻ thành nước “Nam Kỳ”, “nước Tây Kỳ”, “Liên bang Thái”, v.v. Độc lập mà không có quân đội riêng, ngoại giao riêng, kinh tế riêng. Nhân dân Việt Nam quyết không thềm thứ thống nhất và độc lập giả hiệu ấy” [10; tr.602].

Ngay từ năm 1919, vận dụng nguyên tắc dân tộc tự quyết được các đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất thừa nhận, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Người đã gửi tới Hội nghị Versailles bản *Yêu sách tám điểm*, dõng cảm đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Không dừng lại tại đó, Người còn tích cực tuyên truyền về quyền dân tộc tự quyết cho người dân Việt Nam và bạn bè thế giới. Trong một tài liệu được Người viết vào tháng 9/1925, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Thắng lợi của cách mạng sẽ mở ra một thời kỳ dân chủ, nghĩa là tự do của anh em và quyền tự quyết của anh em” [8; tr.506].

Để được bảo đảm các quyền tự quyết dân tộc, quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc của nhân dân, của mỗi thành viên của dân tộc, dân tộc Việt Nam tự quyết định con

đường phát triển của mình, không chịu sự áp đặt của bất cứ thế lực nào từ bên ngoài. Dân tộc Việt Nam phải độc lập trên tất cả các mặt: kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao. Nghĩa là, mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia do dân tộc Việt Nam tự quyết định. Người khẳng định: Nước Việt Nam là của người Việt Nam, do dân tộc Việt Nam quyết định; mọi sự giúp đỡ, ủng hộ Việt Nam đều được nhân dân ta ghi nhận, hoan nghênh, song nhân dân Việt Nam quyết không chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào từ bên ngoài. Ngoài ra, điều đáng nói ở đây là, Hồ Chí Minh không chỉ nêu lý luận chung về đấu tranh giành quyền tự quyết, mà còn chỉ rõ biện pháp để thực hiện trước hết phải là dựa vào sức mình, với tinh thần “đem sức ta mà giải phóng cho ta”, “tự lực cánh sinh”, tự lực cường. Theo Người, một dân tộc chỉ biết trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của bên ngoài thì dân tộc đó không xứng đáng được độc lập. Hồ Chí Minh ý thức sức mạnh tự giải phóng của mỗi cá nhân con người và các dân tộc bị áp bức. Từ năm 1921, Người đã viết: “công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em” [8; tr.138].

Đặc biệt ngày 02/9/1945, Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do thật sự cho dân tộc Việt Nam. Trong tác phẩm này Người đã rất sáng tạo khi phát triển, tiếp cận với quyền dân tộc từ quyền con người. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền đương nhiên của mỗi con người, cũng giống như của mỗi dân tộc được tồn tại, được tự do, được mưu cầu hạnh phúc. Với những lập luận chắc chắn, logic, đầy thuyết phục “đó là những lẽ phải không ai chối cãi được” [9; tr.1], Người trình trọng tuyên bố “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” [9; tr.3]. Quyền dân tộc và quyền con người không tách rời nhau, mà gắn bó mật thiết với nhau. Tất cả mọi cộng đồng quốc gia dân tộc đều có quyền tự quyết định vận mệnh của mình. Đó là sự thống nhất giữa quyền con người và quyền độc lập của mỗi quốc gia.

Trong *Lời kêu gọi Liên hợp quốc* (12/1946), Người vạch rõ hành động của Pháp “nặng ra nước Cộng hòa Nam Kỳ với một Chính phủ bù nhìn tay sai” và khẳng định nhân dân Việt Nam “kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: Toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước” [9; tr.522]. Trong con đường đấu tranh không mệt mỏi để giành quyền tự quyết cho dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã nhận được rất nhiều sự đồng tình và ủng hộ của bạn bè quốc tế. Chủ trương của Hội đồng hòa bình thế giới khi quyết nghị: “Các dân tộc châu Á có quyền tự quyết, các nước ngoài không được can thiệp” [12; tr.254] đã là một động lực vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam. Tại hội nghị Bandung (Indonesia) họp từ ngày 18 đến ngày 24/4/1955 đã thống nhất *Tuyên bố chung*: Hội nghị hoàn toàn ủng hộ quyền bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc, lên án chính sách phân biệt chủng tộc. Hội nghị thông qua 5

nguyên tắc chung sống hòa bình. Hội nghị Bandung thể hiện bước tiến mới của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh vì hoà bình và tiến bộ xã hội ở các nước.

Ngoài ra, Người luôn nêu cao tinh thần của quyền bình đẳng giữa các quốc gia dân tộc và sẽ luôn đấu tranh cho quyền bình đẳng giữa dân tộc. Với Người, không có sự phân biệt giữa dân tộc lớn hay nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp, mọi dân tộc đều bình đẳng như nhau. Đó cũng chính là đóng góp vĩ đại của Người đối với các dân tộc thuộc địa trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập dân tộc mình mà còn đấu tranh cho tất cả các dân tộc bị áp bức. Người nêu cao tinh thần tự quyết của dân tộc, song không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình trong việc giúp đỡ thành lập một số Đảng Cộng sản anh em ở một số nước Đông Nam Á, vào đầu những năm 30 và đầu những năm 50 của thế kỷ XX. Người nhiệt tình ủng hộ nhân dân Trung Quốc chống Nhật, ủng hộ nhân dân Lào và Campuchia chống Pháp và khẳng định “giúp bạn là tự giúp mình”, bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới. Trong *Lời kêu gọi Liên hợp quốc* năm 1946, Người khẳng định: “Đối với Lào và Miên, nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ lòng mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng tuyệt đối giữa các nước có chủ quyền” [9; tr.523]. Nói cách khác, ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa dân tộc chân chính luôn thống nhất với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng.

Ở thế kỷ XX, Hồ Chí Minh góp phần thay đổi cả lý luận và thực tiễn pháp luật quốc tế trong việc ghi nhận quyền dân tộc tự quyết như là một quyền con người cơ bản, là bộ phận tất yếu gắn liền với các quyền cá nhân. Những tuyên bố của Người trong *Tuyên ngôn Độc lập* 1945 đã được Liên hợp quốc ghi nhận vào trong hệ thống pháp luật quốc tế về quyền dân tộc tự quyết năm 1948 và 1966. Một trong những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế đã được nêu trong Tuyên ngôn năm 1970 về các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế là “các dân tộc có quyền bình đẳng và tự quyết”, “bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia”. Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền dân tộc nói chung và quyền tự quyết dân tộc nói riêng có những nội dung hoàn toàn tương đồng với quan niệm của luật pháp quốc tế. Điều này chứng tỏ sự vĩ đại trong tư tưởng của Người đã đi trước nhận thức chung của cộng đồng quốc tế.

Thứ hai, quyền quyết định lựa chọn chế độ chính trị - xã hội và con đường phát triển của dân tộc

Mấy ngàn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam là mấy ngàn năm lịch sử đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổ quốc là giá trị vô cùng thiêng liêng đối với mỗi người dân Việt. Chỉ khi nào Tổ quốc được độc lập, quyền dân tộc được bảo vệ thì mới có hạnh phúc của mỗi con người, quyền của mỗi người dân mới được đảm bảo. Không dừng lại tại đó, để giải phóng dân tộc, giải phóng con người một cách triệt để, độc lập phải đưa đến tự do, hạnh phúc thực sự. Nếu các con đường cứu nước của ông cha gắn độc lập dân tộc với phong kiến, hay chủ nghĩa tư bản, trước năm 1930 trên thế giới phong trào

đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào xã hội chủ nghĩa tách rời nhau, thì con đường cứu nước của Người là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Bởi theo Người, chủ nghĩa xã hội là cơ sở và điều kiện bảo đảm triệt để cho độc lập dân tộc, cho con đường phát triển của dân tộc. Xã hội đó mới có những điều kiện cần và đủ để đảm bảo các quyền cơ bản của con người, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Vì thế, khi hoạch định con đường phát triển của dân tộc, trong “Chương trình chính trị đầu tiên của Đảng”, Hồ Chí Minh viết: “Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Năm 1960, Người tiếp tục nhấn mạnh: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ” [13; tr.563].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn bó giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với các mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Chủ nghĩa xã hội theo Hồ Chí Minh, với tính chất là một xã hội mới sẽ là một xã hội tốt đẹp, xóa bỏ mọi bóc lột và bất công, thực hiện công bằng xã hội, ai làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng; là một xã hội phát triển cao về lực lượng sản xuất, công nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Đó là một xã hội có kỷ cương, đạo đức và lối sống lành mạnh, văn minh, con người được phát triển toàn diện về mọi mặt; có quan hệ bình đẳng, hữu nghị với các quốc gia, dân tộc trên thế giới trên tinh thần tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau và cùng có lợi; một xã hội do nhân dân lao động làm chủ, tất cả quyền hành, lực lượng và lợi ích đều thuộc về nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Chỉ có xóa bỏ tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột; thiết lập một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân mới đảm bảo cho người lao động có quyền làm chủ. “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [11; tr.232]. Do đó “giành được độc lập rồi phải tiến lên chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là “làm sao cho dân giàu, nước mạnh”, “là mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do”.

Con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh xây dựng hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở các nước thuộc địa. Đây chính là tư tưởng chỉ đạo giải quyết các mục tiêu chiến lược trong các thời kỳ lịch sử, là sự lựa chọn tất yếu của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp mà Hồ Chí Minh theo đuổi không chỉ là giải phóng dân tộc, mà còn phát triển dân tộc Việt Nam, thực hiện chủ nghĩa xã hội bằng cách mạng vô sản do đội tiền phong của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Tách độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, hoặc hướng dân tộc theo sự phát triển khác, con đường khác đều là sự phản bội lại lịch sử dân tộc, điều đó sẽ làm cho dân tộc bị lệ thuộc, phụ thuộc vào các thế lực đế quốc, tư bản.

2.2. Ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền tự quyết dân tộc đối với Việt Nam hiện nay

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền tự quyết dân tộc đã đang và sẽ là chỗ dựa vững chắc để Đảng ta vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, dẫn đường cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam đi tới thắng lợi trong sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Quán triệt tư tưởng của Người, một trong những bài học mà Việt Nam rút ra, trong vấn đề bảo vệ quyền dân tộc là: Độc lập chủ quyền là tuyệt đối, không thể chia sẻ; thể hiện quyền độc lập tự chủ của quốc gia trong giải quyết các vấn đề đối nội và đối ngoại; quyền con người không thể tách rời quyền dân tộc. Không có độc lập, tự chủ thì quốc gia không thể tự quyết định vận mệnh của mình. Nhưng cần phải hiểu rõ rằng, độc lập, tự chủ không có nghĩa là biệt lập, đứng riêng lẻ một mình; đồng thời, để có thể có quan hệ bình đẳng với các nước trên thế giới thì cần phải độc lập tự chủ.

Về đối nội, thể hiện quyền tự quyết của dân tộc trước hết trong việc xây dựng thể chế, đường lối phát triển riêng của đất nước, giữ vững chủ quyền quốc gia không chịu sự chi phối hay áp đặt của quốc gia khác. Toàn Đảng và toàn dân ta vẫn luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VII (1991) nhấn mạnh: “Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta” [2; tr.4]. Nhất quán tư tưởng này, trong các Báo cáo chính trị của Đảng qua các năm, các kỳ đại hội đều tiếp tục khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, trong sự phát triển của xã hội đương đại, xu thế toàn cầu hóa hội nhập kinh tế quốc tế, các nước đế quốc phương Tây vẫn không từ bỏ tham vọng làm thất bại chủ nghĩa xã hội, chúng thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình”, lợi dụng các chiêu bài dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào các vấn đề nội bộ của các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng thường viện dẫn những luận điểm nhân quyền cao hơn chủ quyền, tách rời mối quan hệ giữa nhân quyền và chủ quyền để áp đặt, để chống phá chủ nghĩa xã hội. Hơn bao giờ hết, để giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chúng ta càng nắm vững lý luận về quyền con người và quyền dân tộc, đặc biệt quyền dân tộc tự quyết trong ứng xử quốc tế.

Đặc biệt, hiện nay việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ hết sức quan trọng, có ý nghĩa sống còn trong việc bảo vệ quyền dân tộc tự quyết trên lĩnh vực chính trị hiện nay. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mãi là kim chỉ nam của cách mạng Việt Nam. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [5; tr.109]. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

nghĩa là phải nắm vững bản chất khoa học và cách mạng, vận dụng và phát triển sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta, để những nội dung, quan điểm của học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh có thêm sức sống mới trong giai đoạn hiện nay. Trong hội nhập quốc tế, Việt Nam đã tham gia tích cực vào các hoạt động của Liên hợp quốc, Phong trào Không liên kết, đảm nhiệm xuất sắc vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Ngày nay, Việt Nam tiếp tục duy trì được sự ổn định chung của bộ máy chính trị, tự chủ xây dựng thể chế chính trị trong nước với mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tổ chức nền dân chủ xã hội chủ nghĩa theo thiết chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Đảng và Nhà nước ta vẫn luôn từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, trong đó việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội. Nhà nước phải thể chế hóa và thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người. Sau gần 40 năm đổi mới, công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam đã có những tiến bộ quan trọng. Hệ thống pháp luật Việt Nam đã có bước đổi mới và chuyển đổi đáng kể cả về chất lượng lẫn số lượng. Đặc biệt, điều đáng chú ý trong Hiến pháp năm 2013, lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam quy định: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện” [7]. Việc quy định nguyên tắc này hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn luật pháp quốc tế đồng thời phù hợp với bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa của nước ta. Điều đó đã thể hiện sinh động độc lập, tự chủ của Việt Nam về chính trị.

Ngoài ra, cần phải nhận thức sâu sắc rằng: Không thể có độc lập tự chủ về chính trị, nếu bị lệ thuộc về kinh tế. Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam càng phải tự chủ trong định hướng xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa có tiền lệ trong lịch sử phát triển kinh tế thế giới. Vì vậy chúng ta vừa xây dựng, vừa thử nghiệm tìm tòi, nên càng rất cần một đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực quản lý nhà nước ngang tầm để hạn chế và khắc phục nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tế cho thấy, muốn giữ vững độc lập tự chủ về kinh tế, nhất thiết phải có đường lối, chính sách độc lập tự chủ về phát triển kinh tế, xã hội; phải có thực lực đủ mạnh và có sự quản lý điều hành nền kinh tế đúng đắn để giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là điều kiện để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Vì mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Nhận thức sâu sắc vấn đề này, Đại hội XIII của Đảng ta chỉ rõ: “Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”; “Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể

chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn”; “Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế” [5; tr.128-135]. Ngày nay, Việt Nam đã khẳng định vị trí của một nền kinh tế phát triển năng động với quy mô của nền kinh tế và thương mại lần lượt ở top 40 và 20 trên thế giới.

Về đối ngoại, phải bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi. Đường lối đối ngoại và hoạt động ngoại giao Việt Nam phải đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết, trước hết. Việc nêu lợi ích quốc gia dân tộc là mục tiêu, mục đích của đối ngoại có nghĩa là phải đảm bảo lợi ích quốc gia dân tộc là tính nguyên tắc mà tất cả các hoạt động đối ngoại đều phải tuân thủ. Trong các hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và ngoại giao nhân dân phải kiên định, lấy lợi ích cốt lõi quốc gia là độc lập dân tộc, chủ quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa xem đó là điều “bất biến”, làm cơ sở, kim chỉ nam để ứng xử một cách có nguyên tắc nhưng rất linh hoạt, “vạn biến” khi quan hệ đối ngoại thời kỳ hội nhập quốc tế.

Trong thời kỳ đổi mới, mục tiêu vì lợi ích của quốc gia trong đường lối đối ngoại, được thể hiện trong xuyên suốt các kỳ đại hội của Đảng. Để giữ vững chủ quyền của đất nước, Đảng ta đã đề ra mục tiêu và nhiệm vụ của đối ngoại là: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ” [3; tr.235-236]. Tất cả các quốc gia đều coi trọng lợi ích quốc gia khi thực thi chính sách đối ngoại. Do đó, việc Đảng ta xác định đường lối đối ngoại đặt lợi ích quốc gia là ưu tiên hàng đầu là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với xu thế chung của thời đại. Trên cơ sở nhất quán đường lối đối ngoại “không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi” [4; tr.313], Việt Nam luôn nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế. Đồng thời, chủ động tích cực, định hình các thể chế đa phương trên nguyên tắc cùng có lợi. Nhận định này tiếp tục được bổ sung và khẳng định trong Đại hội XIII: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi... Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [5; tr.161-162]. Đồng thời, khẳng định: “Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác”; kiên quyết, kiên trì đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, giữ vững môi trường hòa bình để phát triển kinh tế

- xã hội; chủ động hội nhập nhưng luôn đề cao ý thức dân tộc, truyền thống, bản sắc dân tộc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

Tóm lại, quan niệm về quyền tự quyết dân tộc của Hồ Chí Minh vẫn là kim chỉ nam cho chiến lược chính trị, ngoại giao của Việt Nam, bảo đảm đất nước tiếp tục phát triển độc lập, hòa bình và tiến bộ xã hội. Đặc biệt, sau gần 80 năm lập nước và gần 40 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản, Việt Nam đang đứng trước khởi điểm lịch sử mới, kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Đây “là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao” [1; tr.2]. Để hiện thực hoá khát vọng đó của dân tộc, cần khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần yêu nước, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đặt ra những yêu cầu lịch sử đặc biệt, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cần nhận thức sâu sắc và quyết tâm hành động để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, tạo ra bước phát triển chưa từng có của dân tộc ta trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3. KẾT LUẬN

Lịch sử cách mạng Việt Nam cho thấy, dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, bằng sự khơi dậy ý chí tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, bằng việc huy động sức mạnh toàn dân kết hợp với sức mạnh thời đại, dân tộc ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, tạo nên những kỳ tích trong cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa độc lập, tự do, hạnh phúc. Ngày nay, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền dân tộc tự quyết, Đại hội XIII của Đảng đã chỉ ra một trong những định hướng phát triển đất nước là phải: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương” [5; tr.31]. Việt Nam vẫn kiên trì mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn khẳng định tính đúng đắn của đường lối độc lập tự chủ của Đảng ta. Điều đó cũng cho thấy giá trị bền vững, giá trị to lớn của Hồ Chí Minh về quyền tự quyết dân tộc trong thời đại ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tô Lâm (2024), “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”, Báo Nhân Dân, số 25193, ngày 1-11-2024, tr. 2.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb. Sự Thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

THE RIGHT OF NATIONS TO SELF-DETERMINATION IN HO CHI MINH'S THOUGHT AND ITS SIGNIFICANCE FOR PRESENT-DAY VIETNAM

Hoang Tran Nhu Ngoc

Faculty of Political Theory, University of Sciences, Hue University

Email: nhungoc.husc@gmail.com

ABSTRACT

The Right of Nations to Self-Determination is one of the fundamental and consistent principles of Ho Chi Minh's revolutionary ideology; it is also one of his significant contributions to international law. The right to self-determination primarily reflects the right to determine the fate of one's nation, the right to choose the political system and the right to determine the path of development for the nation.. This ideology of Ho Chi Minh played a decisive role not only in Vietnam's struggle for independence and freedom but also in the process of building socialism. Today, this ideology remains highly relevant and continues to profoundly influence Vietnam's foreign policy, which is based on independence, self-reliance, peace, friendship, cooperation, development, and the diversification and multilateralization of foreign relations in the current context.

Keywords: The right of nations to self-determination, independence, self-reliance, international integration



Hoàng Trần Như Ngọc sinh ngày 12/2/1990 tại Thừa Thiên Huế. Bà tốt nghiệp cử nhân Triết học năm 2012 và thạc sĩ chuyên ngành Triết học năm 2015; nhận học vị Tiến sĩ tại Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội năm 2019. Bà công tác tại Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học Khoa học Huế từ năm 2012.

Lĩnh vực nghiên cứu: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Triết học.